

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 13

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số gồm 8 chục và 3 đơn vị là:

- A. 38 B. 83 C. 82 D. 80

Câu 2. Trong phép tính $82 - 28 = 54$, số 82 được gọi là:

- A. Hiệu B. Số trừ C. Số bị trừ D. Số hạng

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là $5\text{dm } 21\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$.

- A. 521 cm B. 26 cm C. 70 cm D. 71 cm

Câu 4. Thùng cam có cân nặng là:

- A. 6 kg B. 10 kg C. 15 kg D. 11 kg

Câu 5. Hai bạn An và Bình có tất cả 32 chiếc bút chì. Nếu An cho Bình 5 chiếc thì An còn lại 14 chiếc. Hỏi lúc đầu Bình có bao nhiêu chiếc bút chì?

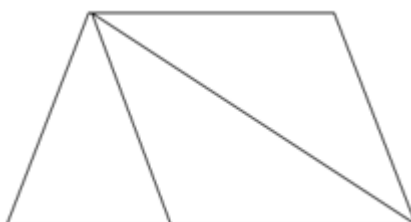
- A. 13 chiếc B. 17 chiếc C. 19 chiếc D. 23 chiếc

Câu 6. Kết quả của phép tính $28 + 62 - 30 = \dots\dots\dots$

- A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

Câu 7. Một người nông dân nuôi 52 con cừu. Ông mới mua thêm 19 con cừu nữa. Hỏi bây giờ ông có tất cả bao nhiêu con cừu?

- A. 71 con B. 60 con C. 61 con D. 73 con

Câu 8. Hình bên có:

- A. 3 hình tam giác, 2 hình tứ giác
- B. 4 hình tam giác, 3 hình tứ giác
- C. 4 hình tam giác, 2 hình tứ giác
- D. 4 hình tam giác, 4 hình tứ giác

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$36 + 47$	$53 + 38$	$74 - 18$	$92 - 36$
.....
.....
.....

Câu 2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

$23 + 19$ $17 + 27$	$54 - 27$ 26
$28 + 39$ $29 + 38$	$93 - 16$ 78

Câu 3. Bao thóc thứ nhất nặng 56 kg và nặng hơn bao thóc thứ hai là 13 kg. Hỏi:

- a) Bao thóc thứ hai nặng bao nhiêu ki-lô-gam?
- b) Cả hai bao thóc nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Trong một phép trừ có hiệu là 35, nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới bằng bao nhiêu?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 8 chục và 3 đơn vị là:

- A. 38 B. 83 C. 82 D. 80

Phương pháp

Viết số lần từ từ hàng chục, hàng đơn vị.

Lời giải

Số gồm 8 chục và 3 đơn vị là 83

Chọn B

Câu 2. Trong phép tính $82 - 28 = 54$, số 82 được gọi là:

- A. Hiệu B. Số trừ C. Số bị trừ D. Số hạng

Phương pháp

Xác định vai trò của số 82 trong phép tính.

Lời giải

Trong phép tính $82 - 28 = 54$, số 82 được gọi là số bị trừ.

Chọn C

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là $5\text{dm } 21\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$.

- A. 521 cm B. 26 cm C. 70 cm D. 71 cm

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{ dm} = 10\text{ cm}$

Lời giải

$5\text{dm } 21\text{cm} = 50\text{ cm} + 21\text{ cm} = 71\text{ cm}$

Chọn D

Câu 4. Thùng cam có cân nặng là:



- A. 6 kg B. 10 kg C. 15 kg D. 11 kg

Phương pháp

Cân nặng của thùng cam bằng tổng cân nặng các quả cân ở đĩa cân bên trái

Lời giải

Thùng cam có cân nặng là: 11 kg

Chọn D

Câu 5. Hai bạn An và Bình có tất cả 32 chiếc bút chì. Nếu An cho Bình 5 chiếc thì An còn lại 14 chiếc. Hỏi lúc đầu Bình có bao nhiêu chiếc bút chì?

A. 13 chiếc B. 17 chiếc C. 19 chiếc D. 23 chiếc

Phương pháp

- Tìm số bút chì của An lúc đầu

- Tìm số bút chì của Bình

Lời giải

Lúc đầu An có số bút chì là: $14 + 5 = 19$ (chiếc)

Lúc đầu Bình có số chiếc bút chì là: $32 - 19 = 13$ (chiếc)

Chọn A

Câu 6. Kết quả của phép tính $28 + 62 - 30 = \dots\dots$

A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

Phương pháp

Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải

$28 + 62 - 30 = 90 - 30 = 60$

Chọn B

Câu 7. Một người nông dân nuôi 52 con cừu. Ông mới mua thêm 19 con cừu nữa. Hỏi bây giờ ông có tất cả bao nhiêu con cừu?

A. 71 con B. 60 con C. 61 con D. 73 con

Phương pháp

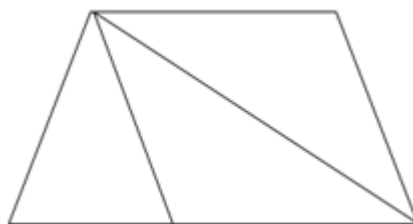
Số con cừu có tất cả = Số con cừu đã có + số con cừu mua thêm

Lời giải

Người nông dân có tất cả số cừu là: $52 + 19 = 71$ (con)

Chọn A

Câu 8. Hình bên có:



A. 3 hình tam giác, 2 hình tứ giác

B. 4 hình tam giác, 3 hình tứ giác

C. 4 hình tam giác, 2 hình tứ giác

D. 4 hình tam giác, 4 hình tứ giác

Phương pháp

Quan sát hình vẽ rồi đếm số hình tam giác, hình tứ giác

Lời giải

Hình bên có: 4 hình tam giác, 2 hình tứ giác

Chọn C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$36 + 47$$

$$53 + 38$$

$$74 - 18$$

$$92 - 36$$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau

- Cộng hoặc trừ thẳng cột lần lượt từ phải sang trái

Lời giải

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 47 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ + 38 \\ \hline 91 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 18 \\ \hline 56 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 36 \\ \hline 56 \end{array}$$

Câu 2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

$$23 + 19 \dots\dots 17 + 27$$

$$54 - 27 \dots\dots 26$$

$$28 + 39 \dots\dots 29 + 38$$

$$93 - 16 \dots\dots 78$$

Phương pháp

Tính kết quả các phép tính rồi so sánh hai vế

Lời giải

$$\underbrace{23 + 19}_{42} < \underbrace{17 + 27}_{44}$$

$$\underbrace{54 - 27}_{27} > 26$$

$$\underbrace{28 + 39}_{67} = \underbrace{29 + 38}_{67}$$

$$\underbrace{93 - 16}_{77} < 78$$

Câu 3. Bao thóc thứ nhất nặng 56 kg và nặng hơn bao thóc thứ hai là 13 kg. Hỏi:

a) Bao thóc thứ hai nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Cả hai bao thóc nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Phương pháp

a) Cân nặng của bao thứ hai = Cân nặng bao thứ nhất – 13 kg

b) Tìm tổng cân nặng của 2 bao thóc

Lời giải

a) Bao thóc thứ hai nặng số ki-lô-gam là:

$$56 - 13 = 43 \text{ (kg)}$$

b) Cả hai bao thóc nặng số ki-lô-gam là:

$$56 + 43 = 99 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 43 kg

b) 99 kg

Câu 4. Trong một phép trừ có hiệu là 35, nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới bằng bao nhiêu?

Phương pháp

Trong phép trừ, nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới giảm đi 14 đơn vị.

Lời giải

Trong phép trừ, nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới giảm đi 14 đơn vị.

Vậy hiệu mới là $35 - 14 = 21$

Đáp số: 21